

Số: /QĐ-SGDĐT

Kiên Giang, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành nội dung và tỉ lệ điểm trong đề thi học sinh giỏi trung học cơ sở, trung học phổ thông cấp tỉnh từ năm học 2024 – 2025

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-SGDĐT ngày 25/01/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng thuộc Sở, tham mưu cho Lãnh đạo Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành nội dung và tỉ lệ điểm trong đề thi học sinh giỏi trung học cơ sở, trung học phổ thông cấp tỉnh từ năm học 2024 – 2025 (phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1288/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2018 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang về việc ban hành nội dung và cấu trúc đề thi học sinh giỏi vòng tỉnh cấp trung học phổ thông và trung học cơ sở từ năm học 2018 – 2019.

Điều 3. Trưởng các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. GDPT&GDTX.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Văn Hóa

PHỤ LỤC
NỘI DUNG VÀ TỈ LỆ ĐIỂM TRONG ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI
TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CẤP TỈNH
TỪ NĂM HỌC 2024 – 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày / /2024
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang)

Môn: Toán (THCS)

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ điểm
1	Số và Đại số	<ul style="list-style-type: none"> - Phương trình, bất phương trình, hệ phương trình: + Giải phương trình, bất phương trình, hệ phương trình. + Biện luận phương trình chứa tham số. - Căn thức, bất đẳng thức, giá trị lớn nhất – nhỏ nhất. - Các bài toán về hàm số và đồ thị. - Đa thức: Tìm đa thức thỏa mãn điều kiện, chia hết trong đa thức, định lí Bézout, định lý Fermat,... - Các bài toán về chia hết trong tập hợp số, dãy số, số chính phương. 	50%
2	Hình học	<ul style="list-style-type: none"> - Hình học phẳng: + Các bài toán liên quan đến tam giác, tứ giác, định lí Thalès, Pythagore,... + Các bài toán liên quan đến đường tròn. - Hình học không gian: + Hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình lăng trụ đứng, hình chóp, hình trụ. + Chu vi, diện tích, thể tích của các hình nêu trên. 	40%
3	Thống kê và xác suất	<ul style="list-style-type: none"> - Phép thử ngẫu nhiên và không gian mẫu. - Tính xác suất của biến cố trong một số mô hình đơn giản, vẽ biểu đồ,... 	10%

Môn: Tiếng Anh (THCS)

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ điểm
1	LISTENING	<ul style="list-style-type: none"> - Số đoạn: 3 (thời gian tối đa không quá 30 phút). + Nghe và chọn đáp án đúng. + Nghe và điền vào chỗ trống. + Nghe và chọn đúng, sai, không đề cập đến. + Nghe và nối thông tin. 	25%

2	LEXICO & GRAMMAR	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành câu với 4 lựa chọn có liên quan đến nghĩa-từ đồng nghĩa/trái nghĩa, thành ngữ, kết hợp từ, cấu trúc, động từ kép. - Cho hình thức đúng của từ cho sẵn. - Tìm lỗi trong đoạn. - Điền 1 từ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn. 	25%
3	READING	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn. - Đọc và chọn từ trong câu hỏi đa lựa chọn. - Đọc và chọn từ gợi ý điền vào chỗ trống. - Đọc và tự sử dụng từ phù hợp điền vào chỗ trống. - Đọc và chọn phương án đúng, sai, không đề cập tới. 	25%
4	WRITING	<ul style="list-style-type: none"> - Viết lại 05 câu không làm đổi nghĩa của câu gốc. Trong đó: 2 câu về structures; 3 câu về collocation và idiomatic expression (có KEY WORD). - Viết lại câu dùng những từ gợi ý/cho sẵn và không làm đổi nghĩa của câu gốc. - Viết một bài luận khoảng 150 - 200 từ (tranh luận, thể hiện quan điểm cá nhân). 	25%

Môn: Ngữ Văn (THCS)

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ điểm
1	Nghị luận xã hội	Viết bài văn Nghị luận xã hội từ một nhận định hoặc câu chuyện, câu danh ngôn, tục ngữ, ca dao,... làm sáng tỏ vấn đề đặt ra.	40%
2	Nghị luận văn học	Viết bài văn Nghị luận văn học từ nhận định, lí luận văn học (Bằng hiểu biết và trải nghiệm văn học làm sáng tỏ vấn đề hoặc bằng 1 tác phẩm văn học cụ thể làm sáng tỏ vấn đề, có trích dẫn văn bản, có chú thích đầy đủ, cụ thể).	60%
<p>* Yêu cầu chung về ngữ liệu :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi ngữ liệu: Ngữ liệu để chứng minh trong phần viết bài văn nghị luận văn học là tác phẩm (đoạn trích) nằm ngoài chương trình sách giáo khoa (không có trong 3 bộ SGK) đang sử dụng của cấp học, có đề tài gần gũi, quen thuộc, có tính giáo dục, phù hợp với đặc điểm tâm lí, lứa tuổi của học sinh THCS. - Dung lượng của ngữ liệu: Tổng độ dài của ngữ liệu sử dụng không quá 1000 chữ. - Nếu ngữ liệu là đoạn truyện, cần có phần tóm tắt nội dung đoạn không trích dẫn. - Nếu ngữ liệu là đoạn trích thơ, nên chọn đoạn đặc sắc nhất của bài thơ. 			

Môn: Khoa học Tự nhiên (THCS)**Phân môn: Vật lí**

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ điểm
1	Lực và chuyển động	- Tốc độ Chuyển động. - Đồ thị quãng đường - thời gian.	20%
	Khối lượng riêng và Áp suất	- Khối lượng riêng và Áp suất.	
2	Năng lượng và cuộc sống	- Năng lượng cơ học.	15%
3		- Nhiệt lượng.	15%
4	Điện	- Đoạn mạch nối tiếp, song song, hỗn hợp.	30%
5		- Năng lượng của dòng điện và công suất điện.	
6	Ánh sáng	- Thấu kính.	20%

Môn: Khoa học Tự nhiên (THCS)**Phân môn: Hóa học**

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ điểm
1	Chất và sự biến đổi của chất	- Nguyên tử - Nguyên tố hóa học - Sơ lược bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học. - Phân tử. Liên kết hoá học.	15%
		- Phản ứng hoá học. Tốc độ phản ứng và chất xúc tác. - Một số hợp chất thông dụng. Phân bón hoá học.	30%
		- Kim loại. Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại.	20%
		- Giới thiệu về hợp chất hữu cơ. Hydrocarbon và nguồn nhiên liệu. - Ethylic alcohol và acetic acid. - Lipid. Carbohydrate. Protein. Polymer.	25%
2	Trái Đất và Bầu Trời	- Khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất.	10%

Môn: Khoa học Tự nhiên (THCS)**Phân môn: Sinh học**

TT	Chủ đề	Tỉ lệ điểm
1	Sinh học cơ thể người.	5%
2	Sinh vật môi trường.	5%
3	Di truyền học mendel. Cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền.	30%
4	Di truyền nhiễm sắc thể.	30%
5	Di truyền học với con người và đời sống.	20%
6	Tiến hóa.	10%

Môn: Lịch sử và Địa Lí (THCS)**Phân môn: Lịch sử**

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ điểm
1	Lịch sử thế giới (Lớp 8)	- Châu Âu và Bắc Mỹ từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII: + Cách mạng tư sản Anh; + Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ; + Cách mạng tư sản Pháp. - Châu Âu và nước Mỹ từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX: + Sự hình thành chủ nghĩa đế quốc; + Các nước Âu – Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX; + Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918); + Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.	15%
2	Lịch sử thế giới (Lớp 9)	- Thế giới từ năm 1918 đến năm 1945: Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945). - Thế giới từ năm 1945 đến năm 1991: + Chiến tranh lạnh (1947 – 1989); + Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991; + Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.	15%
3	Lịch sử Việt Nam (Lớp 8)	- Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII: Phong trào Tây Sơn. - Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX: + Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX; + Việt Nam đầu thế kỉ XX.	20%
4	Lịch sử Việt Nam (Lớp 9)	- Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945: + Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; + Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991: + Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám; + Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1954.	40%
5		Vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn	10%

Môn: Lịch sử và Địa Lí (THCS)**Phân môn: Địa lí**

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ điểm
1	Địa lí lớp 6: Trái Đất – Hành tinh của hệ Mặt trời	- Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. - Hình dạng, kích thước Trái Đất. - Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí.	15%

2	Địa lí lớp 7: Châu Á	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí, phạm vi Châu Á. - Đặc điểm tự nhiên. - Đặc điểm dân cư, xã hội. - Bản đồ chính trị Châu Á, các khu vực của Châu Á. - Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở Châu Á. 	10%
3	Địa lí lớp 8: Địa lí tự nhiên Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam. - Đặc điểm địa hình và khoáng sản Việt Nam. - Đặc điểm khí hậu và thủy văn Việt Nam. 	20%
4	Địa lí lớp 8: Biển đảo Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam. - Các vùng biển Việt Nam ở Biển Đông. - Môi trường và tài nguyên biển đảo ở Việt Nam. 	
5	Địa lí lớp 9: Địa lí dân cư Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần dân tộc. - Gia tăng dân số ở các thời kì. - Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính. - Phân bố dân cư. - Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn. - Lao động và việc làm. - Chất lượng cuộc sống. 	35%
6	Địa lí lớp 9: Địa lí các ngành kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Nông nghiệp. - Lâm nghiệp và thủy sản. - Công nghiệp. - Dịch vụ. 	
7	Địa lí lớp 9: Sự phân hóa lãnh thổ	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. - Vùng đồng bằng sông Hồng. - Vùng Bắc Trung Bộ. - Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. - Vùng Tây Nguyên. - Vùng Đông Nam Bộ. - Vùng Đồng bằng sông Cửu Long. 	
8	Địa lí lớp 9: Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo	<ul style="list-style-type: none"> - Biển và đảo Việt Nam. - Phát triển tổng hợp kinh tế biển. - Khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đảo. 	20%
9	Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ các dạng biểu đồ. - Xử lí số liệu. - Nhận xét, phân tích và giải thích biểu đồ, bảng số liệu. 	

Môn: Tin học (THCS)

Cấu trúc	04 câu, lập trình trên máy tính giải các bài toán bằng ngôn ngữ lập trình C/C++, Python, Pascal.
Nội dung kiến thức	Xử lý dữ liệu cơ bản, xử lý dữ liệu nâng cao, xử lý chuỗi, xử lý mảng 01 chiều.

Môn: Toán (THPT)

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ điểm
1	Đại số	<ul style="list-style-type: none"> - Phương trình, bất phương trình, hệ phương trình; hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn và ứng dụng vào bài toán quy hoạch tuyến tính. - Bất đẳng thức (phương pháp biến đổi tương đương, phương pháp sử dụng các bất đẳng thức cổ điển (bất đẳng thức trung bình cộng - trung bình nhân, bất đẳng thức Cauchy - Schwarz)); giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của một biểu thức đại số nhiều biến. - Biến đổi lượng giác, phương trình lượng giác. - Dãy số: cấp số cộng, cấp số nhân, số hạng tổng quát của dãy số. 	30%
2	Giải tích	<ul style="list-style-type: none"> - Giới hạn của dãy số nói riêng, và của hàm số nói chung. Hàm số liên tục. - Các ứng dụng của đạo hàm. 	10%
3	Hình học	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp vectơ, phương pháp tọa độ trong mặt phẳng. - Hệ thức lượng trong tam giác và ứng dụng. - Các bài toán hình học phẳng với phương pháp giải là phương pháp tổng hợp. 	25%
4	Tổ hợp, xác suất	<ul style="list-style-type: none"> - Bài toán đếm; nhị thức Niu-ton. - Xác suất cổ điển. - Nguyên lí Dirichlet, nguyên lí cực hạn; các bài toán suy luận logic; các bài toán đồ thị (graph). 	25%
5	Số học	<ul style="list-style-type: none"> - Các tính chất của phép chia hết và phép chia có dư; Định lý Fermat nhỏ. - Phương trình nghiệm nguyên. - Dãy số nguyên. 	10%

Môn: Ngữ Văn (THPT)

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ điểm
1	Nghị luận xã hội	Vấn đề xã hội.	40%
2	Nghị luận văn học	<ul style="list-style-type: none"> - Một số vấn đề lí luận văn học cơ bản: Nhà văn và quá trình sáng tạo; đặc trưng văn học; tác phẩm, thể loại; chức năng, giá trị của văn học; tiếp nhận văn học;... - Tác phẩm thơ, truyện, tiểu thuyết, kí, kịch. - Phong cách nhà văn tiêu biểu. - Các thời kì, giai đoạn, khuynh hướng văn học. 	60%

Môn: Tiếng Anh (THPT)

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ điểm
1	LISTENING	- Số đoạn: 3- 4 (thời gian tối đa không quá 30 phút). - Dạng bài: + Nghe và chọn đáp án đúng; + Nghe và điền vào chỗ trống; + Nghe và chọn đúng, sai, không đề cập đến; + Nghe và nối thông tin.	25%
2	LEXICO & GRAMMAR	- Hoàn thành câu với 4 lựa chọn có liên quan đến nghĩa, thành ngữ, kết hợp từ, cấu trúc, động từ kép. - Cho hình thức đúng của từ cho sẵn. - Tìm lỗi trong đoạn. - Điền 1 từ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn.	25%
3	READING	- Đọc và trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn. - Đọc và chọn từ trong câu hỏi nhiều chọn. - Đọc và chọn từ gợi ý điền vào chỗ trống. - Đọc và chọn phương án đúng, sai, không đề cập tới.	25%
4	WRITING	- Viết lại 05 câu không làm đổi nghĩa của câu gốc. Trong đó: 2 câu về structures; 3 câu về collocation và idiomatic expression (có KEY WORD). - Viết một đoạn văn mô tả bảng biểu ít nhất 150 từ. - Viết một bài luận ít nhất 250 từ (tranh luận, thể hiện quan điểm cá nhân).	25%

Môn: Vật lí (THPT)

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ điểm
1	Cơ học	- Động học. - Động lực học. - Chuyển động tròn. - Biến dạng của vật rắn, áp suất chất lỏng.	20%
2	Năng lượng	- Công và năng lượng. - Động lượng. - Các định luật bảo toàn.	20%
3	Dao động cơ	- Dao động. - Sóng.	20%
4	Điện học	- Điện trường. - Dòng điện, mạch điện.	20%
5	Nhiệt học	- Vật lí nhiệt. - Khí lí tưởng.	20%

Môn: Hóa học (THPT)

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ điểm
1	Cấu tạo nguyên tử. Bảng tuần hoàn. Liên kết hóa học	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần nguyên tử, hạt nhân nguyên tử, nguyên tố hóa học. - Đồng vị. - Cấu tạo vỏ electron của nguyên tử, cấu hình electron, bộ 4 số lượng tử. - Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, sự biến đổi tuần hoàn cấu hình electron nguyên tử, tính chất các nguyên tố hóa học. - Định luật tuần hoàn. - Quy tắc octet. Liên kết ion. Tinh thể ion. Liên kết cộng hóa trị. Tinh thể nguyên tử và tinh thể phân tử. Liên kết hydrogen và tương tác (liên kết) van der Waals. - Các kiểu lai hóa và cấu trúc hình học phân tử. 	15%
2	Phản ứng oxi hóa - khử. Tổng hợp Hóa học vô cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Phản ứng oxi hóa-khử, phân loại phản ứng hóa học. - Tổng hợp về phản ứng hóa học vô cơ. 	5%
3	Năng lượng hóa học	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lượng hóa học: Enthalpy và biến thiên enthalpy trong các phản ứng hóa học; năng lượng liên kết, nhiệt tạo thành,... 	10%
4	Tốc độ phản ứng	<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ trung bình của phản ứng hoá học, các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng, ý nghĩa của hệ số nhiệt độ Van't Hoff (γ). 	5%
5	Cân bằng hóa học	<ul style="list-style-type: none"> - Cân bằng hóa học, sự chuyển dịch cân bằng; Cân bằng trong dung dịch nước. - Khái niệm sự điện li, chất điện li, chất không điện li. - Thuyết Brønsted - Lowry về acid - base. - pH của dung dịch, phản ứng trao đổi ion trong dung dịch các chất điện li. - Chuẩn độ acid - base. 	10%
6	Phi kim	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên tố nhóm VIIA: + Các đơn chất halogen; + Hydrogen halide và một số phản ứng của muối halide. - Nitrogen - Sulfur: + Nitrogen; + Ammonia - Muối ammonium; + Một số hợp chất của nitrogen với oxygen; + Sulfur và sulfur dioxide; + Sulfuric acid và muối sulfate. 	15%
7	Đại cương về hóa học hữu cơ- Hydrocarbon	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp tách biệt và tinh chế hợp chất hữu cơ. - Công thức phân tử hợp chất hữu cơ. - Cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ. - Alkane, alkene, alkyne, arene. 	10%
8	Dẫn xuất Halogen - Alcohol – Phenol	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn xuất Halogen - Alcohol - Phenol. - Hợp chất Carbonyl - Carboxylic acid. 	15%

	Hợp chất Carbonyl – Carboxylic acid		
9	Tổng hợp hữu cơ	- Hiệu ứng cấu trúc, đồng phân hữu cơ, cơ chế phản ứng tách, thế, cộng. - Tổng hợp hữu cơ.	5%
10	Thí nghiệm	- Câu hỏi thực hành thí nghiệm.	5%
11	Câu hỏi thực tiễn	- Các vấn đề thực tiễn vận dụng kiến thức đã học đảm bảo cơ bản (tính nhiệt lượng phản ứng đốt cháy khí gas, tốc độ phản ứng trong đời sống sản xuất, nước Javel chất tẩy trắng, phân bón hóa học, sản xuất cồn, xăng E5,...).	5%

Môn: Sinh học (THPT)

TT	Chủ đề	Tỉ lệ điểm
1	Sinh học tế bào.	25%
2	Sinh học vi sinh vật.	25%
3	Sinh lí thực vật.	25%
4	Sinh lí động vật.	25%

Môn: Lịch sử (THPT)

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ điểm
1	Lịch sử thế giới	- Một số nền văn minh thế giới thời cổ - trung đại: + Văn minh Trung Hoa; + Văn minh phương Tây; + Văn minh thời Phục hưng. - Cách mạng công nghiệp thời hiện đại. - Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản. - Chủ nghĩa xã hội từ năm 1917 đến nay. - Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh. - ASEAN: Những chặng đường lịch sử.	35%
2	Lịch sử Việt Nam	- Văn minh Đại Việt. - Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945): + Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam; + Các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam (từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XVIII); + Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX): Khởi nghĩa Lam Sơn, phong trào Tây Sơn, một số bài học lịch sử.	65%

		<ul style="list-style-type: none"> - Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858): + Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỉ XV; + Cuộc cải cách của Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX. - Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông: Việt Nam và Biển Đông. - Cách mạng tháng Tám năm 1945. 	
--	--	---	--

Môn: Địa lí (THPT)

TT	Chủ đề	Nội dung	Tỉ lệ điểm
1	Địa lí 10: Tự nhiên đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái Đất. - Trái Đất, thuyết kiến tạo mảng. - Thạch quyển. Nội lực và ngoại lực. - Khí quyển. - Thủy quyển. - Đất và sinh quyển. - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí. 	20%
2	Địa lí 10: Kinh tế - xã hội đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Địa lí dân cư. - Cơ cấu nền kinh tế. - Địa lí nông nghiệp. - Địa lí công nghiệp. - Địa lí dịch vụ. - Tăng trưởng xanh. 	20%
3	Địa lí 11: Khái quát về nền kinh tế - xã hội thế giới	<ul style="list-style-type: none"> - Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. - Toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế. 	10%
4	Địa lí 11: Khu vực và quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực Đông Nam Á. - Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. - Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. 	10%
5	Địa lí 12: Địa lí tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ. - Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. - Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên. - Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. 	20%
6	Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Các dạng câu hỏi (chương trình lớp 11). Vẽ biểu đồ, xử lí số liệu, nhận xét và giải thích biểu đồ, bảng số liệu. 	20%

Môn: Tin học (THPT)

Cấu trúc	03 câu, lập trình trên máy tính giải các bài toán bằng ngôn ngữ lập trình C++, Python, Pascal.
Nội dung kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Các kiểu dữ liệu có cấu trúc. - Các chuyên đề: Số học, Sắp xếp, Tìm kiếm, Tham lam, Duyệt, Chặt nhị phân, Đệ quy, Quay lui, Chia để trị, Quy hoạch động.